TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **04**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2026.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chinh Chiến.

2. Bà Trần Thị Loan.

T ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Định, T ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng L, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/11/1996.

Số CCCD: 014196001790.

Địa chỉ: Tổ dân phố 19/5, phường T, tỉnh S, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng M, sinh 03/11/1994.

Số CCCD: 014094002102.

Địa chỉ: Tổ dân phố 19/5, phường T, tỉnh S, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 19/11/2025, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị và anh M kết hôn với nhau vào ngày 13/5/2015. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay thuộc UBND phường T, tỉnh S).

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh M.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không chịu tu chí làm ăn, rất nhiều lần đánh đập chị, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn Tòng xuyên xảy ra.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị T xin được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 02 cháu là Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015, cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018. Sau khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018. Giao cháu Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí: Chị T xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Bị đơn anh Vũ Hồng M trình bày.

Anh và chị T kết hôn với nhau vào ngày 13/5/2015. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay thuộc UBND phường T Nguyên, tỉnh Sơn La).

Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh M.

Như chị T trình bày cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không chịu tu chí làm ăn, rất nhiều lần đánh đập chị, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn Tòng xuyên xảy ra.

Việc chị T khai mâu thuẫn gia đình như vậy là không đúng.

Nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ, chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 cháu là Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015, cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018.

Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, do chị T không có công ăn việc làm ổn định, nơi ở không có nên không đủ điều kiện để nuôi con, nguyện vọng của anh M xin nuôi cả hai cháu, anh M không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con cùng anh.

- Về tài sản chung: Do anh và chị T chung sống cùng bố mẹ anh nên không có gì.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- T ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS sửa đổi năm 2025; khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T. Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Vũ Hồng M.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015 cho anh Vũ Hồng M, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cùng bên nào.

- Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Nguyễn Thị Phương T đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn anh Vũ Hồng M có nơi cư trú tại: Địa chỉ: Tổ dân phố 19/5, phường T Nguyên, tỉnh Sơn La,

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS sửa đổi năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Hồng M không hợp tác làm việc cùng Tòa án, mặc dù có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng không chịu viết bản tự khai trình bày nguyện vọng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với Tổ dân phố về tình trạng hôn nhân của các bên được biết.

Sau khi chị T và anh M kết hôn với nhau, chị T về ở cùng gia đình anh M, còn mâu thuẫn hai vợ, chồng chị T và anh M Lãnh đạo TDP không nắm bắt được vì không đề nghị TDP hòa giải.

Về tài sản của chị T và anh M do hai anh chị ở cùng bố mẹ anh M nên TDP cũng không nắm bắt được. Về vay nợ chung: Đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ vợ, chồng chị T, anh M.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Vũ Hồng M cố tình không hợp tác giải quyết vụ việc cùng Tòa án, gây khó dễ cho chị T trong việc giải quyết ly hôn.

Tuy nhiên ngày 15/01/2026 anh Tòa án đã lấy được lời khai của anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh M kết hôn với nhau vào ngày 13/5/2015. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay thuộc UBND phường T Nguyên, tỉnh Sơn La).

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh M. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn Tòng xuyên xảy ra. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị T xin được ly hôn với anh M.

Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã phân tích hậu quả sau khi ly hôn cho các đương sự, tuy nhiên chị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn, anh M xin được đoàn tụ gia đình.

- Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của

chị Nguyễn Thị Phương T và xử cho chị Nguyễn Thị Phương được ly hôn với anh Vũ Hồng M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 02 con chung là cháu Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015, và cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018.

Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Phương T xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018.

Tòa án cũng đã ghi ý kiến của cháu Vũ Diệu L và cháu Vũ Đan T về nguyện vọng của các cháu ở với bố, mẹ sau khi bố, mẹ đã ly hôn.

Ý kiến của cháu Vũ Diệu L sau khi bố, mẹ ly hôn cháu xin ở với anh M.

Ý kiến của cháu Vũ Đan T sau khi bố, mẹ ly hôn cháu xin ở với chị T.

Anh M giữ nguyên ý kiến xin được nuôi hai cháu, cho rằng điều kiện của chị T không có đủ điều kiện nuôi con, tại phiên tòa chị T khẳng định chị đủ điều kiện nuôi con.

Mặc dù anh M có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu, tuy nhiên thấy rằng chị T không khước từ quyền nuôi con, chị chỉ chờ sau khi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và Tòa án giao con cho chị nuôi chị sẽ đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ chị ở, do vậy giao cho mỗi bên nuôi một cháu là phù hợp, vừa đảm bảo quyền lợi của bố, mẹ với các con và vừa đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Do đó giao cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015 cho anh Vũ Hồng M, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi đã ly hôn không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cùng bên nào.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh anh M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị T và anh M đều xác định không có vay nợ ai, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS sửa đổi năm 2025; khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Vũ Hồng M.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đan T, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Vũ Diệu L, sinh ngày 23/12/2015 cho anh Vũ Hồng M, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cùng bên nào.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Hồng M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Vũ Hồng M đều xác định không có vay nợ ai, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000761 ngày 19/11/2025 của phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân Khu vực 6 – Sơn La;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Sơn La;
- UBND phường T Nguyên, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh